TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23/11/2019
V/v: Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ.
2/ Ông Nguyễn Xuân Trường.
Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai-Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Tươi: Kiểm sát viên
Ngày 23 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.
Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXX- ST ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn:* **Anh Nguyễn Văn K**, sinh năm 1981- Có mặt.
HKTT: Thôn K, xã L, huyện H, tỉnh B.
Nơi ở hiện tại: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh N.
- *Bị đơn:* **Chị Nguyễn Thị Thu H,** sinh năm 1980- vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 21/6/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (anh Nguyễn Văn K) trình bày:
Anh và chị Nguyễn Thị Thu H cưới nhau có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/3/2006 tại UBND xã L, huyện H, tỉnh B. Sau khi cưới anh và chị H làm ăn và sinh sống tại tỉnh Bình Dương. Đến năm 2010 thì vợ chồng chuyển về xã T, huyện h, tỉnh N ở. Đến năm 2011 thì vợ chồng chuyển về thôn K, xã L, huyện H ở. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng có nhiều quan điểm sống

bất đồng, không hợp nhau về cuộc sống, chị H tính tình thích chơi bời dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên đến tháng 10/2018 anh đã chuyển về quê tại xã T, huyện H, tỉnh N ở, vợ sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm gì với chị H, vì vậy anh làm đơn xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Châu L, sinh ngày 16/12/2006, cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 28/7/2012 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 16/5/2014. Hiện nay cháu L đang ở với anh, cháu Vân Avà cháu Ngọc A đang ở với chị H và bà ngoại các cháu. Các cháu vẫn phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh trực T nuôi cháu L, chị H nuôi cháu Vân Avà cháu Ngọc A. Về cấp dưỡng nuôi con anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (chị Nguyễn Thị Thu H): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực T cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng chị H vắng mặt. Bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của chị H) trình bày: Chị H hiện nay đi làm ăn ở bên ngoài không có địa chỉ cố định vì chị H chuyên đi chợ buôn bán chỉ thỉnh thoảng mới về nhà thăm gia đình và gửi tiền để nuôi con sau đó lại đi làm ăn ở ngoài địa phương do bận công việc và vẫn điện thoại về gia đình thăm hỏi nhưng không cho biết địa chỉ cụ thể. Gia đình xác định chị H có hộ khẩu và không đi hẳn khỏi địa phương mà vẫn về nhà để nuôi con. Bà T xác định: anh K và chị H kết hôn có đăng ký tại UBND xã L ngày 30/3/2006 và sinh sống tại tỉnh Bình Dương. Đến năm 2014 do vợ chồng làm ăn kinh tế khó khăn nên đã chuyển ra Bắc ở và ở nhờ trên đất nhà anh Nguyễn Văn Đ tại thôn K, xã L, huyện Ha và chuyển khẩu của vợ chồng về Lương Phong. Vợ chồng sinh sống tại thôn K, chị H buôn bán hoa quả, anh K làm công nhân tại Công ty may H. Đến năm 2017- 2018 do vợ chồng K, H chăn nuôi lợn, gà bị dịch chết. Do bị thua lỗ về kinh tế nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau. Đến cuối năm 2018 thì vợ chồng anh K, chị H chính thức sống ly thân. Anh K về quê tại Ninh Bình sinh sống, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn thì gia đình cũng động viên để vợ chồng về đoàn tụ để nuôi con nhưng không có kết quả. Khi anh K làm đơn xin ly hôn thì chị H cũng có ý kiến "bỏ thì bỏ", tùy ý anh K.

- Về con chung: Bà T xác định vợ chồng anh K, chị H có 03 con chung là Nguyễn Thị Châu L, sinh ngày 16/12/2006, cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 28/7/2012 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 16/5/2014. Hiện nay cháu L đang ở với anh K, cháu Vân Avà cháu Ngọc A đang ở với chị H và bà T. Các cháu vẫn phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị H có ý kiến lại với bà T là chị H đề nghị được nuôi cháu Vân Avà cháu Ngọc A, anh K trực T nuôi cháu L. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Về tài sản chung, công sức, công nợ và các quan hệ khác: Bà T không nắm được cụ thể nhưng chị H có nói với bà là không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn K trực T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Châu L, sinh ngày 16/12/2006; Chị Nguyễn Thị Thu H trực T nuôi cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 28/7/2012 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 16/5/2014. Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000247 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận anh K đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2019 của anh Nguyễn Văn K đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thu H (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại địa phương và gia đình cung cấp, hiện chị H vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, chị H làm nghề buôn bán hoa quả ở các chợ bên ngoài địa phương, không rõ địa chỉ cụ thể nhưng chị H không đi hẳn khỏi địa phương, gia đình xác nhận chị H đi làm vẫn đi và về qua gia đình để chăm sóc con. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 §iÒu 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp**:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của anh K thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng anh K, chị H từ khi kết hôn đã có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được, năm 2017- 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, chị Hương không tu chí làm ăn và do làm ăn kinh tế bị thua lỗ nên vợ chồng hay cãi nhau. Mâu thuẫn cũng được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không cải thiện được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay và đã chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Anh K có đơn xin ly hôn, chị H đã được Tòa án thông báo và triệu tập đến Tòa án để làm việc về việc anh K có đơn xin ly hôn nhưng chị H không đến làm việc theo giấy triệu tập và cũng không có ý kiến, văn bản phản hồi gì đối với việc anh K xin ly hôn. Địa phương đề nghị Tòa án tiền hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp không hòa giải được thì đề nghị giải quyết theo pháp luật, tuy nhiên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được do chị H không đến Tòa án theo thông báo và giấy triệu tập. Bà T là mẹ đẻ của chị H cung cấp chị H có nói lại với bà T việc anh K xin ly hôn chị không có ý kiến gì, tùy quyết định của anh K. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị H đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho anh K được ly hôn chị H là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của anh K cần được chấp nhận.

[2].3. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng:* Anh K và gia đình (mẹ đẻ) chị H đều xác định vợ chồng anh K, chị H có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Châu L, sinh ngày 16/12/2006, cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 28/7/2012 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 16/5/2014. Hiện nay cháu L đang ở với anh K, cháu Vân A và cháu Ngọc A đang ở với chị H và bà T. Các cháu vẫn phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh K và chị H có ý kiến lại với bà T đều đề nghị để chị H được nuôi cháu Vân Avà cháu Ngọc A, anh K trực T nuôi cháu L, xét là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ, cần giao con chung của vợ chồng cho anh K trực T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Châu L, sinh ngày 16/12/2006, chị H trực T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 28/7/2012 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 16/5/2014, xét là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình. Cho nên đề nghị được nuôi con chung của anh K và chị H cần được chấp nhận. Anh K, chị H được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2].4. *Về việc cấp dưỡng nuôi con:* Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, anh K và chị H đều không yêu cầu một bên phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau vì xác định đủ điều kiện để tự mình nuôi con, xét thấy là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[2].5. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Anh K, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].6. Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn K trực T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Châu L, sinh ngày 16/12/2006; Chị Nguyễn Thị Thu H trực T nuôi cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 28/7/2012 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 16/5/2014. Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000247 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận anh K đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh BG*
- *VKSNDHiệp Hoà*
- *THADS Hiệp Hoà;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã L;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn